**BẢNG TỔNG HỢP, CHỈ DẪN PHẢN ÁNH, KIẾN NGHỊ**

**VỀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT MÂU THUẪN, CHỒNG CHÉO, BẤT CẬP**

**HOẶC KHÔNG CÒN PHÙ HỢP VỚI THỰC TIỄN**

**( *Cập nhật từ ngày 13/5/2020 đến ngày 22/5/2020)***

| **STT** | **Cơ quan/Tổ chức/**  **cá nhân gửi kiến nghị** | **Bộ, cơ quan ngang bộ liên quan**  **đến nội dung được kiến nghị** | **Nhóm rà soát của Tổ công tác liên quan đến nội dung**  **được kiến nghị** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **I. HIỆP HỘI, DOANH NGHIỆP** | | | | |
|  | **Tổng công ty đường sắt Việt Nam** (công văn số 895/ĐS-KTKT ngày 20/4/2020): 24 kiến nghị, phản ánh | - **Bộ Giao thông vận tải**: 13 kiến nghị (xem trang 7 đến trang 18; Mục IV.2 trang 21-22)  - **Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội**: 03 kiến nghị (Mục V trang 23-26)  - **Bộ Tài chính**: 06 kiến nghị (xem Mục 3.2 trang 11; Mục III.2 trang 19; Mục IV.1 trang 20; Mục IV.2 trang 21-22; Mục VI trang 27)  - **Bộ Xây dựng**: 02 kiến nghị (Mục IV.3 trang 22-23)  - **Ngân hàng Nhà nước Việt Nam**: 01 kiến nghị (Mục VI đoạn cuối trang cuối cùng) | - **Nhóm 1**: 10 kiến nghị (Mục I trang 3 đến trang 14)  - **Nhóm 2**: 02 kiến nghị (Mục II trang 14 đến trang 17)  - **Nhóm 3**: 02 kiến nghị (Mục III trang 17 đến trang 19)  - **Nhóm 4**: 03 kiến nghị (Mục IV trang 19 đến trang 23)  - **Nhóm 5**: 03 kiến nghị (Mục V trang 23-26)  - **Nhóm 6**: 03 kiến nghị (Mục I.1.2 trang 7 đến trang 9; Mục I.3.4 trang 13-14; Mục V.3 trang 25-26)  - **Nhóm 7**: 13 kiến nghị (Mục I, II, III, IV, V trang 3 đến trang 26)  - **Nhóm 11**: 02 kiến nghị (Mục VI trang 26-27) |  |
|  | **Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam** (Văn bản số 112/HHNH-PLNV ngày 12/5/2020): 75 kiến nghị, phản ánh | - **Bộ Công an**: 01 kiến nghị (Mục VII.71 trang cuối)  - **Bộ Công thương**: 02 kiến nghị (Mục VI.33, 34 trang 25 đến trang 27);  - **Bộ Kế hoạch và Đầu tư**: 06 kiến nghị (Mục I các mục 1,2,3 trang 1 đến trang 3; Mục I.4.b trang 4; Mục II.6 trang 6; Mục IV.18 trang 16-17)  - **Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội**: 06 kiến nghị (Mục III.10 trang 8-9; Mục V trang 23 đến trang 25)  - **Bộ Tài chính**: 06 kiến nghị (Mục I.5 trang 4-5; Mục III.7,8,9 trang 6 đến trang 8;)  - **Bộ Tài nguyên và Môi trường**: 12 kiến nghị (Mục II.6 trang 6; Mục IV.11 đến Mục IV.21 trang 9 đến trang 19)  - **Bộ Thông tin và Truyền thông**: 02 kiến nghị (Mục VII.69 trang 49-50, Mục VII.71 trang cuối)  - **Bộ Tư pháp**: 18 kiến nghị (Mục I.4.a trang 3; Mục IV.13 trang 10-11; Mục VI.35 đến Mục VI.44 trang 28 đến trang 36; Mục VI.49 trang 38-39; Mục VI.53 đến Mục VI.55 trang 41-43; Mục VI.63 và Mục VI.64 trang 46 đến trang 48)  - **Bộ Xây dựng**: 07 kiến nghị (Mục II.6 trang 6; Mục IV.22 đến Mục IV.27 trang 19 đến trang 23)  - **Ngân hàng Nhà nước Việt Nam**: 03 kiến nghị (các Mục VII.68,69,70 trang 49-50)  - **Tòa án nhân dân tối cao**: 21 kiến nghị (từ Mục VI.45 đến Mục VI.67, ngoại trừ Mục VI.64, trang 36 đến trang 48) | - **Nhóm 1**: 08 kiến nghị (Mục I trang 1 đến trang 5)  - **Nhóm 2**: 01 kiến nghị (Mục II.6 trang 6)  - **Nhóm 3**: 04 kiến nghị (Mục III trang 6 đến trang 9)  - **Nhóm 4**: 17 kiến nghị (Mục IV trang 9 đến trang 23)  - **Nhóm 5**: 05 kiến nghị (Mục V trang 23 đến trang 25)  - **Nhóm 6**: 34 kiến nghị (Mục VI trang 25 đến trang 48)  - **Nhóm 8**: 06 kiến nghị (Mục VI.35 đến Mục VI.37 trang 28 đến trang 32; Mục VI.44 trang 35-36; Mục VI.63 và Mục VI.64 trang 46 đến trang 48)  - **Nhóm 9**: 04 kiến nghị (Mục VII.68 đến Mục VII.71 trang 48 đến trang cuối cùng)  - **Nhóm 10**: 02 kiến nghị (Mục IV.11 trang 9; Mục VI.62 trang 46) |  |
|  | **Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh doanh vốn nhà nước (**Văn bản số 1022/ĐTKDV-PC ngày 14/5/2020**):** 08 kiến nghị, phản ánh | - **Bộ Kế hoạch và Đầu tư**: 03 kiến nghị (mục 2.1 trang 1-2; mục 2.3 trang 3; mục 2.5 trang 4-5)  - **Bộ Tài chính**: 04 kiến nghị (mục 2.2 cuối trang 2; hai ý tại mục 2.4 cuối trang 3 đầu trang 4 và gạch đầu dòng thứ nhất mục 2.6 trang 5)  - **Tòa án nhân dân tối cao**: 01 kiến nghị (gạch đầu dòng thứ hai mục 2.6 cuối trang 5 và trang 6) | - **Nhóm 1**: 02 kiến nghị (mục 2.1 và mục 2.1, trang 1-2)  - **Nhóm 2**: 03 kiến nghị (mục 2.1 đến mục 2.3, cuối trang 1 đến nửa đầu trang 3)  - **Nhóm 3**: 02 kiến nghị (mục 2.4 và mục 2.5, cuối trang 3 đến đầu trang 5  - **Nhóm 6**: 02 kiến nghị (mục 2.6 trang 5-6) |  |
|  | **Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam** (theo Báo cáo số 0619/PTM-KHTH ngày 07/5/2020 về báo cáo tình hình hoạt động và kiến nghị của cộng đồng doanh nghiệp): 81 kiến nghị, phản ánh | - **Bộ Công thương**: 02 kiến nghị ( Mục 2, STT 67,68)  - **Bộ Giao thông vận tải**: 2 kiến nghị (Mục 2, STT 11,12)  - **Bộ Kế hoạch và Đầu tư**: 01 kiến nghị (Mục 2, STT 71)  - **Bộ Khoa học và Công nghệ**: 01 kiến nghị (Mục 2, STT 88)  - **Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội**: 15 kiến nghị ( Mục 2, STT 41-55)  - **Bộ Tài chính**: 33 kiến nghị (Mục 2. STT 1 -14,48,63, 70, 72-87,89-92)  - **Bộ Y tế**: 2 kiến nghị ( Mục 2, STT44,68  - **Ngân hàng nhà nước Việt Nam**: 27 kiến nghị ( Mục 2, STT 15-40, 71)  - **Thanh tra Chính phủ**: 01 kiến nghị (STT 61) | - **Nhóm 1**: 02 kiến nghị (Mục 2, STT 70,72)  - **Nhóm 2**: 01 kiến nghị (Mục 2, STT 69  - **Nhóm 3**: 33 kiến nghị (Mục 2. STT 1 -14,48,63, 70, 72-87, 89-92)  - **Nhóm 5**: 15 kiến nghị ( Mục 2, STT 41-55)  - **Nhóm 11**: 14+ ( Mục 2) | Các kiến nghị tập trung vào hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua khó khăn và ổn định sản xuất |
|  | **Liên đoàn Luật sư Việt Nam** (bản giấy) (Công văn số 108/LĐLSVN): 11 kiến nghị, phản ánh | * **Bộ Công an:** 01 kiến nghị (Mục 7.I Phụ lục VIII) * **Bộ Công thương:** 01 kiến nghị (Mục 5.I Phụ lục VIII) * **Bộ Kế hoạch và Đầu tư:** 10 kiến nghị (Mục 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 Phụ lục II) * **Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội:** 02 kiến nghị (Phụ lục V) * **Bộ Tài chính:** 02 kiến nghị (Mục 1, 2 Phụ lục III) * **Bộ Tài nguyên và Môi trường:** 07 kiến nghị (Mục 8, 9 Phụ lục II; Mục 3 Phụ lục III; Mục 1, 2, 4, 5 Phụ lục IV) * **Bộ Tư pháp:** 27 kiến nghị (Mục I, 17.II Phụ lục VI; Phụ lục VIII) * **Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch:** 02 kiến nghị (Mục 3, 6 Phụ lục II) * **Bộ Xây dựng:** 05 kiến nghị (Mục 6, 9, 10 Phụ lục II; Mục 1.3, 3, Phụ lục IV) * **Tòa án nhân dân tối cao:** 22 kiến nghị (Vấn đề 8.I, 10.I; 4.B.I Phụ lục VI; Mục II Phụ lục VI) | * **Nhóm 1:** 01 kiến nghị (Mục 6 Phụ lục II) * **Nhóm 2:** 01 kiến nghị (Mục 2 Phụ lục III) * **Nhóm 4:** 03 kiến nghị (Mục 8 Phụ lục II, Mục 1.3, 5 Phụ lục IV) * **Nhóm 6:** 04 kiến nghị (Vấn đề 8, 10 Mục I, 17.II Phụ lục VI) * **Nhóm 8:** 02 kiến nghị (Mục 1.I, 5.I Phụ lục VIII) |  |
|  | **Tập đoàn Dầu khí Việt Nam** (Văn bản số 1911/DKVN-PC&KTr ngày 24/4/2020, với khổ giấy A3): 61 kiến nghị, phản ánh | - **Bộ Công thương**: 09 kiến nghị; trong đó 03 kiến nghị (trang 1-2); 01 kiến nghị (trang 4); 01 kiến nghị (trang 7); 01 kiến nghị (cuối trang 8); 03 kiến nghị (trang 12)  - **Bộ Kế hoạch và Đầu tư**: 09 kiến nghị; trong đó 04 kiến nghị (trang 1-2; ), 03 kiến nghị (trang 3), 01 kiến nghị (trang 5), 01 kiến nghị (trang 6)  - **Bộ Khoa học và Công nghệ**: 06 kiến nghị; trong đó 02 kiến nghị (trang 7), 02 kiến nghị (trang 8); 01 kiến nghị (trang 9), 01 kiến nghị (liên quan đến quy định về sáng kiến, đề tài nghiên cứu được đề cập tại đoạn cuối trang cuối cùng)  - **Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội**: 02 kiến nghị; trong đó 01 kiến nghị (trang 7), 01 kiến nghị (cuối trang 12)  - **Bộ Nội vụ**: 01 kiến nghị (trang 13-trang cuối cùng)  - **Bộ Tài chính**: 26 kiến nghị; trong đó 01 kiến nghị (trang 2), 06 kiến nghị (trang 3), 04 kiến nghị (trang 4); 01 kiến nghị (trang 8), 04 kiến nghị (trang 9), 04 kiến nghị (trang 10); 05 kiến nghị (trang 11), 01 kiến nghị (trang 12)  - **Bộ Tài nguyên và Môi trường**: 09 kiến nghị; trong đó 02 kiến nghị (trang 5), 03 kiến nghị (trang 6), 02 kiến nghị (trang 7), 02 kiến nghị (trang 8)  - **Bộ Xây dựng**: 03 kiến nghị (trang 5) | - **Nhóm 3**: 34 kiến nghị (trang 1 đến trang 4 và trang 9 đến trang 12)  - **Nhóm 4**: 22 kiến nghị (trang 5 đến trang 9)  - **Nhóm 5**: 04 kiến nghị (trang 12-13)  - **Nhóm 11**: 01 kiến nghị (trang 12) |  |
|  | **Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam – công ty cổ phần** (Văn bản số 540/TCT-PC&KSNB ngày 04/5/2020): 17 kiến nghị, phản ánh | - **Bộ Kế hoạch và Đầu tư**: 02 kiến nghị (mục 1, 2 trang 1-2)  - **Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội**: 01 kiến nghị (mục 5 trang 3); 01 kiến nghị (mục 11 trang 6-7).  - **Bộ Tài chính**: 01 kiến nghị (mục 1 trang 1); 01 kiến nghị (mục 3 trang 2); 01 kiến nghị (mục 4 cuối trang 2 đầu trang 3); 01 kiến nghị (mục 7 đầu trang 5); 01 kiến nghị (mục 11 trang 6-7).  - **Bộ Tài nguyên và Môi trường**: 03 kiến nghị; trong đó 01 kiến nghị (mục 2 đoạn 2 ở đầu trang 3), 02 kiến nghị (mục 10 trang 6)  - **Bộ Thông tin và Truyền thông**: 01 kiến nghị (mục 9 cuối trang 5);  - **Bộ Tư pháp**: 01 kiến nghị (mục 6 trang 3-4); 01 kiến nghị (mục 8 trang 5)  - **Thanh tra Chính phủ**: 01 kiến nghị (mục 7 cuối trang 4 đầu trang 5);  - **Tòa án nhân dân tối cao:** 01 kiến nghị (mục 6 trang 4); | - **Nhóm 1**: 01 kiến nghị (mục 1 trang 1)  - **Nhóm 2**: 02 kiến nghị (mục 2 trang 1-2)  - **Nhóm 3**: 02 kiến nghị (mục 3 trang 2)  - **Nhóm 4**: 01 kiến nghị (mục 4 cuối trang 2 đầu trang 3)  - **Nhóm 5**: 01 kiến nghị (mục 5 trang 3)  - **Nhóm 6**: 04 kiến nghị (mục 5 trang 3; mục 6 cuối trang 3 và trang 4);  - **Nhóm 7**: 02 kiến nghị (mục 7 cuối trang 4 và đầu trang 5)  - **Nhóm 8**: 01 kiến nghị (mục 8 trang 5)  - **Nhóm 9**: 01 kiến nghị (mục 9 cuối trang 5)  - **Nhóm 10**: 02 kiến nghị (mục 10 trang 6)  - **Nhóm 11**: 01 kiến nghị (mục 11 trang 6-7) |  |
| **Tổng I: 277 kiến nghị** | | | | |
| **II. ĐỊA PHƯƠNG** | | | | |
|  | **Bạc Liêu**  (Văn bản số 114/BC-UBND ngày 04/5/2020): 5 kiến nghị, phản ánh | - **Bộ Tài nguyên và Môi trường**: 2 kiến nghị (STT 1 Phụ lục)  - **Bộ Tư pháp**: 2 kiến nghị (STT 2 Phụ lục, STT 3.2 Phụ lục)  - **Thanh tra Chính phủ**: 1 kiến nghị (STT 3.1 Phụ lục) | -**Nhóm 4**: 2 kiến nghị (STT 1 Phụ lục)  - **Nhóm 7**: 1 kiến nghị (STT 2 Phụ lục) | Kiến nghị tập trung lĩnh vực tài nguyên, môi trường |
|  | **Bình Dương** (3040/UBND-STP ngày 11/5/2020): 27 kiến nghị, phản ánh | - **Bộ Công thương**: 01 kiến nghị (Mục II)  - **Bộ Kế hoạch và Đầu tư**: 01 kiến nghị (Mục VI.15)  - **Bộ Khoa học và Công nghệ**: 03 kiến nghị (Mục I )  **- Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội**: 06 kiến nghị (Mục III)  - **Bộ Nội vụ**: 01 kiến nghị (Mục I.2)  - **Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**: 05 kiến nghị (Mục V, V.10)  - **Bộ Tài chính**: 01 kiến nghị ( Mục VI.1)  - **Bộ Tài nguyên và Môi trường**: 17 kiến nghị (Mục VI)  - **Bộ Tư pháp**: 05 kiến nghị (Mục VII)  - **Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch**: 01 kiến nghị (Mục IV)  - Bộ Xây dựng: 01 kiến nghị (Mục VI.15) | - **Nhóm 1**: 03 kiến nghị (Mục IV, V.2, VI.1)  - **Nhóm 2**: 01 kiến nghị (Mục VI.15  - **Nhóm 3**: 01 kiến nghị ( Mục VI.1,  - **Nhóm 4**: 17 kiến nghị (Mục VI)  - **Nhóm 5**: 06 kiến nghị (Mục III)  - **Nhóm 7**: 04 kiến nghị (Mục I, Mục V.3 )  - **Nhóm 8**: 05 kiến nghị (Mục VII)  - **Nhóm 10**: 01 kiến nghị (Mục I.3) | Kiến nghị tập trung lĩnh vực tài nguyên, môi trường |
|  | **Cần Thơ**  ( Công văn số 1030/STP-XDKTVB ngày 17/4/2020): 22 kiến nghị, phản ánh | - **Bộ Công thương**: 01 kiến nghị (Mục 1.k)  - **Bộ Kế hoạch và Đầu tư**: 02 kiến nghị (Mục 3a,b)  - **Bộ Khoa học và Công nghệ**: 09 kiến nghị (Mục 1)  - **Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội**: 01 kiến nghị (Mục 4b)  - **Bộ Nội vụ**: 01 kiến nghị (Mục 4a)  - **Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**: 01 kiến nghị (mục 4c).  - **Bộ Tài chính**: 01 kiến nghị ( Mục 1.g)  - **Bộ Tài nguyên và Môi trường**: 03 kiến nghị ( Mục 2)  - **Bộ Xây dựng**: 03 kiến nghị (Mục 3c,d,đ)  - **Thanh tra Chính phủ**: 01 kiến nghị (mục 5) | - **Nhóm 1**: 10 kiến nghị (Mục 1)  - **Nhóm 4**: 5 kiến nghị (Mục 2, 3)  - **Nhóm 7**: 01 kiến nghị (Mục 1.e)  - **Nhóm 10**: 01 kiến nghị (Mục 4) |  |
|  | **Đà Nẵng**  (Công văn số 3040/UBND-STP ngày 11/5/2020): 53 kiến nghị, phản ánh | - **Bộ Kế hoạch và Đầu tư**: 07 kiến nghị (Mục 1a, 2, 3a,8b,12c)  - **Bộ Tài chính**: 06 kiến nghị (Mục 3, 4c, 10,tr30)  - **Bộ Y tế**: 07 kiến nghị (Mục 3c, 6b, 11l,12đ, tr31,32,33)  - **Bộ Tài nguyên và Môi trường**: 06 kiến nghị (Mục 4,11c)  - **Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội**: 02 kiến nghị (Mục 5, 11b)  - **Bộ Khoa học và Công nghệ**: 03 kiến nghị (Mục 6, 8c,12d)  - **Bộ Tư pháp**: 08 kiến nghị (Mục 7, 8b, 11a,11b,11i,,12b)  - **Bộ Thông tin và truyền thông**: 03 kiến nghị (Mục 8,11đ)  - **Bộ Nội vụ**: 04 kiến nghị (Mục 9,11a,12b)  - **Bộ Xây dựng**: 03 kiến nghị (Mục 8b,11d)  - **Bộ Công an**: 02 kiến nghị (Mục 10,11c)  - **Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch**: 01 kiến nghị (Mục 11k)  - **Bộ Ngoại giao**: 01 kiến nghị (Mục 11e)  - **Bộ Giao thông vận tải**: 03 kiến nghị ( mục 11g,h)  - **Thanh tra Chính phủ**: 01 kiến nghị (Mục 13a)  - **Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**: 8 kiến nghị ( Tr 30,31,32)  - **Bộ Công thương**: 01 kiến nghị (Tr30) | - **Nhóm 1**: 02 kiến nghị (Mục 1)  - **Nhóm 2**: 03 kiến nghị (Mục 2)  - **Nhóm 3**: 03 kiến nghị (Mục 3)  - **Nhóm 4**: 04 kiến nghị (Mục 4)  - **Nhóm 5**: 01 kiến nghị (Mục 5)  - **Nhóm 7**: 01 kiến nghị (Mục 6a)  - **Nhóm 8**: 03 kiến nghị (Mục 7)  - **Nhóm 9**: 02 kiến nghị (Mục 8)  - **Nhóm 10**: 03 kiến nghị (Mục 9)  - **Nhóm 11**: 02 kiến nghị (Mục 10) |  |
|  | **Kiên Giang**  (Văn bản số 125/BC-UBND ngày 05/5/2020)  :31 kiến nghị, phản ánh | - **Bộ Kế hoạch và Đầu tư**: 2 kiến nghị (Mục 2 Phần I)  - **Bộ Giáo dục và Đào tạo**, **Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội**, **Bộ Y tế**, **Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch**, **Bộ Thông tin truyền thông**: 1 kiến nghị (trang 3 Mục 3 Phần I)  - **Bộ Tài chính**: 6 kiến nghị (trang 3 Mục 3 Phần I; trang 5, 6 Mục 3 Phần I; điểm đ, e Mục 1 Phần II; điểm d, đ Mục 2 Phần II)  **- Thanh tra Chính phủ**: 2 kiến nghị (trang 4 Mục 3 Phần I)  - **Bộ Kế hoạch và Đầu tư**: 2 kiến nghị (trang 4 Mục 3 Phần I, trang 10 Mục 8 Phần I)  - **Bộ Xây dựng**: 1 kiến nghị (trang 6 Mục 4 Phần I;  - **Bộ Tài nguyên và Môi trường**: 4 kiến nghị (trang 6, trang 7 Mục 4 Phần I; điểm h Mục 2 Phần II)  - **Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội**: 7 kiến nghị (Mục 5 Phần I; điểm d Mục 1 Phần II; điểm i, k, l Mục 1 Phần II; điểm e, g Mục 2 Phần II)  - **Bộ Tư pháp**: 3 kiến nghị (Mục 6 Phần I; trang 10 Mục 8 Phần I)  - **Bộ Công an**: 2 kiến nghị (Điểm a Mục 1 Phần II)  - **Bộ Tài chính**, **Bộ Y tế**: 1 kiến nghị (điểm b Mục 2 Phần II) | - **Nhóm 2**: 2 kiến nghị (Mục 2 Phần I)  - **Nhóm 3**: 6 kiến nghị (Mục 3 Phần I)  - **Nhóm 4**: 4 kiến nghị (Mục 4 Phần I)  - **Nhóm 5**: 1 kiến nghị (Mục 5 Phần I)  - **Nhóm 6**: 2 kiến nghị (Mục 6 Phần I)  - **Nhóm 8**: 3 kiến nghị (Mục 8 Phần I) |  |
|  | **Nghệ An**  Báo cáo số 227/BC-UBND ngày 29/4/2020 của UBND tỉnh Nghệ An  : 69 kiến nghị, phản ánh | - **Bộ Công thương**: 05 kiến nghị (Mục I.1.d, trang 3; Mục VIII)  - **Bộ Kế hoạch và Đầu tư**: 23 kiến nghị (Mục I; Mục III.3.b, trang 15; Mục IV; Mục V.2, trang 16)  - **Bộ Khoa học và Công nghệ**: 02 kiến nghị (Mục VII)  - **Bộ Tài chính**: 05 kiến nghị (Mục III; Mục VII.1, trang 19)  - **Bộ Tài nguyên và Môi trường**: 27 kiến nghị (Mục I.1.c, trang 2; Mục I.1.d, Mục I.1.e trang 4; Mục I.2.a, trang 5; Mục I.2.c, trang 6; Mục I.2.d, trang 7; Mục I.2.e, trang 8; Mục I.2.g, trang 9; Mục III.1; Mục III.2; Mục III.3; Mục VI; Mục VIII.3, trang 21; Mục X.2.a, trang 27)  - **Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch**: 05 kiến nghị (Mục II)  - **Bộ Xây dựng**: 08 kiến nghị (Mục I.1.a, Mục I.1.b trang 1; Mục I.2.d, trang 7; Mục X)  - **Bộ Y tế**: 03 kiến nghị (Mục V)  **- Văn phòng Chính phủ**: 14 kiến nghị (Mục IX) | - **Nhóm 1**: 06 kiến nghị (Mục I.2.d, Mục I.2.e trang 8; Mục I.3)  - **Nhóm 2**: 19 kiến nghị (Mục I.1; Mục I.2; Mục II.1, trang 11; Mục V.2, trang 16; Mục VIII.1, trang 20; Mục VIII.4, trang 21)  - **Nhóm 3**: 05 kiến nghị (Mục III; Mục VII.1, trang 19)  - **Nhóm 4**: 20 kiến nghị (Mục III.1; Mục III.3; Mục VI; Mục X)  - **Nhóm 7**: 01 kiến nghị (Mục VII.2, trang 20) |  |
|  | **Thừa Thiên Huế**  Văn bản số 142/BC-UBND ngày 08/5/2020  : 66 kiến nghị, phản ánh | - **Bộ Tài nguyên và Môi trường**: 32 kiến nghị (STT 1-27 Phụ lục I; STT 1,5,6,11,12 Phụ lục II)  - **Bộ Tư pháp**: 12 kiến nghị (STT 28-34, STT 44 Phụ lục I; STT 2, 13,14,19 Phụ lục II)  - **Bộ Tài chính**: 1 kiến nghị (STT 35 Phụ lục I)  - **Bộ Xây dựng**: 7 kiến nghị (STT 36-42 Phụ lục I)  - **Bộ Công an**: 1 kiến nghị (STT 43 Phụ lục I  - **Bộ Giáo dục và Đào tạo**: 1 kiến nghị (STT 45 Phụ lục I)  - **Bộ Tài nguyên và Môi trường**, **Bộ Xây dựng**: 2 kiến nghị (STT 3,8 Phụ lục II)  - **Bộ Kế hoạch và Đầu tư**: 3 kiến nghị (STT 4,20,21 Phụ lục II)  - **Bộ Tài nguyên và Môi trường**, **Bộ Kế hoạch và Đầu tư**: 3 kiến nghị (STT 7,9,10 Phụ lục II)  - **Bộ Công thương**: 3 kiến nghị (STT 15-17 Phụ lục II)  - **Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch**: 1 kiến nghị (STT 18 Phụ lục II) | - **Nhóm 4**: 44 kiến nghị (STT 1-27, STT 36-42 Phụ lục I; STT 1,3, 5,6,7,8,9,10,11,12 Phụ lục II)  - **Nhóm 1**: 4 kiến nghị (STT 35 Phụ lục I; STT 15-17 Phụ lục II)  - **Nhóm 2**: 1 kiến nghị (STT 4 Phụ lục II) |  |
|  | **Vĩnh Long**  Công văn số 2172/UBND-BTCDNC ngày 12/5/2020: 23 kiến nghị, phản ánh | - **Bộ Kế hoạch và Đầu tư**: 08 kiến nghị (Mục I.1, trang 1; Mục I.2.a, trang 2 và trang 3; Mục I.2.b, trang 5 và trang 6)  - **Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội**: 02 kiến nghị (Mục I.3)  - **Bộ Tài chính**: 01 kiến nghị (Mục I.1, trang 1)  - **Bộ Tài nguyên và Môi trường**: 19 kiến nghị  - **Bộ Tư pháp**: 01 kiến nghị (Mục I.2.a, trang 4) | - **Nhóm 1**: 03 kiến nghị (Mục I.1, trang 1; Mục I.2.a, trang 2)  - **Nhóm 2**: 08 kiến nghị (Mục I.2.a, trang 2 và trang 3; Mục I.2.b, trang 5 và trang 6)  - **Nhóm 3**: 01 kiến nghị (Mục I.1, trang 1)  - **Nhóm 4**: 19 kiến nghị  - **Nhóm 5**: 02 kiến nghị (Mục I.3) |  |
| **Tổng II: 296 kiến nghị** | | | | |
| **III. CÁ NHÂN** | | | | |
|  | **Mai cá nhân 3: 01 kiến nghị** | - **Bộ Nội vụ**: 01 kiến nghị |  |  |
| **TỔNG III: 01 kiến nghị** | | | | |
| **Tổng: 574 kiến nghị** | | | | |
| **TỔNG: 574 KIẾN NGHỊ, PHẢN ÁNH / 16 CƠ QUAN, TỔ CHỨC** | | | | |